

Ông Năm Từ

Tiểu Từ

Cả xóm đó ai cũng biết ông Năm Từ. Nói như vậy cũng chưa đúng. Phải nói rằng cả làng đó – nghĩa là trên một bình diện to rộng hơn – hỏi ông Năm Từ là ai cũng biết. Ông "nổi danh" như vậy không phải vì ông là một nhân vật quan trọng trong làng trong xóm, mà vì lâu lâu ông có những cơn say rượu "dậy làng dậy xóm" nên người lớn trẻ con đều biết mặt ông hết. Nhứt là trẻ con, những lúc đó, tụi nó bu theo ông như một đàn ruồi... Ông thứ Năm, tên gì thì ít có người biết, nhưng tại vì ông làm ông từ giữ việc quét dọn cúng kiếng trong đình của làng đó, nên người ta gọi như vậy. Cái "thứ" của ông được ghép vào với cái "chức" của ông, lâu ngày trở thành cái "tên", vậy mà cũng chẳng thấy ông đính chánh sửa đổi gì hết. Làm như đó là một sự tự nhiên. Riết rồi thiên hạ chẳng ai để ý, và có lẽ chính ông Năm Từ cũng quên luôn tên thật của ông nữa!

Mấy ông già bà cả gốc xóm Đình – nghĩa là không phải mấy người mới tản cư đến đó về sau này – đều biết ông Năm hỏi ông còn trẻ, hỏi những năm kháng chiến chống Pháp. Hồi đó, ông chưa làm ông từ, ông làm thợ câu, nhà ở dưới dốc đình, cạnh bờ sông. Người ta gọi ông là Năm Câu, gọi trống, nghĩa là không thêm một tiếng gì phía trước hết. Vậy là từ hồi trẻ, Năm Câu đã được người ta gọi bằng danh từ ghép, trong đó không có tên cúng cơm của mình. Đến người trong gia đình cũng không ai gọi Năm Câu bằng tên. Họ gọi "thằng Năm". Ông bà già vợ gọi "thằng chồng con Hai". Còn người vợ thì gọi "mình" khi nói với chồng hay "nhà tôi" khi nào nói chuyện với người khác.

Mấy ông già bà cả lâu lâu hay nhắc chuyện Năm Câu hồi thời 1945. Họ nói: "Năm Câu hồi đó gan cùng mình. Nó chèo xuồng đưa du kích qua bên kia sông như ăn cơm bữa. Nói cho ngay, cũng có bà con xóm Đình coi chừng Tây với bạc-ti-dăng giùm nó. Nhưng có nhiều khi Năm Câu cương ầu làm đại như giỡn chơi. Làm bà con muốn xón trong quần luôn!" Thật ra, Năm Câu làm gan một phần cũng nhờ ở địa thế của vùng đó và ở vị trí đóng quân của tụi Tây. Làng của Năm Câu nằm trên tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Bên kia sông là bưng với rừng tràm mát mắt. Cuối rừng tràm là rừng già chạy dài qua Cao Miên. Vùng giáp giới đó tên là Bù Lu Chuối Nước. Kháng chiến lập chiến khu ở đó.

Điểm đặc biệt của làng Năm Câu là đất ở đó không bằng phẳng. Có gò cao trũng thấp, hai gò cao nhứt lại nằm ở hai đầu làng. Gò đầu trên – trên là vì nằm về phía thượng lưu con sông – gọi là gò đồng mã, ai chết cũng đều đưa lên đó chôn. Gò đầu dưới gọi là gò Đình, bởi vì trên gò đó có cái đình thờ thần của làng. Chung quanh đình là rừng cây dầu kéo dài xuống tiếp nối với một làng khác nằm dưới hạ lưu. Hai gò nằm cách nhau xa cỡ mấy cây số. Chính giữa trũng xuống là chợ búa và nhà cửa dân cư cất dọc theo bờ sông. Tây đóng đồn ở đây – nghĩa là ở giữa dân chúng – trên đất của ông đốc phủ Lễ. Nhờ vậy, mỗi lần Tây dẫn bạc-ti-dăng đi ruồng bố là thiên hạ đều hay hết.

Đường xuống đình bằng ngang một khoảng trống khá rộng gọi là "hố quần", hồi xưa là con rạch nhỏ lâu ngày bị đất gò trôi xuống lấp đi. Ở đó vào mùa mưa là ngập nước. Dân xóm Đình phải xắn quần tới bẹn, lội qua đó mà xuống chợ. Nếu không chịu đi như vậy thì phải đánh một vòng rất xa, dọc theo bìa rừng dầu đi sâu về phía dưới rồi băng qua ruộng đến con lộ cái đi ngược trở lên. Xa như vậy cho nên về mùa mưa, Tây ít đi ruồng miệt xóm Đình. Và về mùa mưa, gò Đình xem giống như một hòn đảo! Nhờ địa thế gò Đình như vậy nên Năm Câu đưa rước kháng chiến qua sông dễ như trở bàn tay. Có hôm Năm Câu theo họ vào Bù Lu Chuối Nước chơi hết mấy bữa mới về, làm trong xóm tưởng Năm Câu đi khu luôn. Nghe như vậy, Năm Câu cười khịt: "*Đi luôn rồi lấy ai mà chèo xuồng đưa mấy chả đây?*"

Năm Câu có hai đời vợ. Người vợ trước cưới về chưa đầy một năm, đau rồi chết. Ít lâu sau, Năm Câu cưới người vợ thứ nhì. Chị này người xóm Chùa, bán cá ngoài chợ. Nhờ ba con cá mà hai người phải lòng nhau. Bữa đám cưới, mấy ông già nói: "*Trai xóm Đình cưới gái xóm Chùa là đúng điều quá rồi. Thợ câu xâu chị bán cá, thiệt là xứng đào xứng kếp!*". Vậy mà chị này, sau khi đẻ thằng con trai cho Năm Câu, đau rề rề hai ba tuần lễ rồi cũng tắt thở. Mấy bà trong xóm nói Năm Câu có tướng sát thê. Rồi họ kết luận: "*Con nhỏ nào về ở với nó vài bữa rồi cũng ngủm tuốt. Mấy thằng đàn ông sát thê là vậy đó!*". Nghe như vậy, Năm Câu đành ở vậy nuôi con. Để khỏi phải chôn thêm bà vợ nào nữa hết.

Thằng con Năm Câu tên là Nhành. Càng lớn càng kháu khỉnh. Khi biết nói đồ đẽ, nó gọi Năm Câu bằng tía nhưng vì còn ngọng nghịu nên nó phát âm là "chía" làm Năm Câu sượng rơn ! Ngày nào Năm Câu cũng gọi

con cho bà hàng xóm để đi câu. Nhưng khi về đến nhà là bỗng riết thẳng nhỏ, rê nó đi khoe cùng xóm. Lâu lâu vừa nựng con cu của thẳng nhỏ, vừa nói đả đót: "*Tru mẹ! Ton tu này đái chôi thẳng cha nó luôn.*" (Đu mẹ! Con cu này đái trôi thẳng cha nó luôn). Nói như vậy bởi vì hai cha con ngủ chung với nhau, và đêm nào thẳng Nhành cũng đái dầm. Riết rồi gối mền gì đều khai ngáy.

Từ ngày vợ chết, Năm Câu nghỉ câu đêm, ở nhà ngủ với con. Những đêm phải đưa người qua bưng, bà hàng xóm qua coi chừng thẳng nhỏ trong thời gian ngắn chèo đi chèo về. Lúc này, Năm Câu không còn cò cưa ở bên kia sông như hồi đó nữa, đưa qua rồi là chèo rút về để ngủ tiếp với con. Làm như ghiền cái hơi hám đó, bởi vì trong mùi khăn khăn của gối mền có lẫn mùi da thịt và nhíp thờ thơm tho của thẳng Nhành... Trong đời người thợ câu đó chỉ có thẳng con là quý nhứt.

Ông từ giữ đình hồi đó là chú bà con của Năm Câu. Những lúc rỗi rảnh, Năm Câu thường lên đình phụ quét dọn với chú, và năm nào đến lễ cầu an (dân trong làng gọi là lễ " kỳ yên"), Năm Câu cũng nghỉ câu mấy bữa để giúp chú coi trong coi ngoài, bởi vì mấy ngày đó trên đình người ta đông như kiến. Nhờ tới lui với người chú như vậy mà Năm Câu rành việc cúng kiếng tế lễ theo tập tục cổ truyền. Cho nên làng xã và các bang hội hay nhắc Năm Câu tới giúp mỗi lần có tổ chức cúng bái. Năm Câu làm những việc đó một cách rất nghiêm trang và thành kính chớ không phải hợ hợ bề ngoài. Bởi vì Năm Câu tin tưởng rằng có Ông Trên – gồm Trời Phật Thánh Thần – và có Ông Bà phò hộ nên làng này mới bình yên như vậy và dân chúng mới làm ăn phát đạt như vậy. Năm Câu hay tự nhủ: "*Hể mình nghĩ phải, làm phải thì thế nào cũng có Thánh Thần độ trì*". Sự tin tưởng đó thường được bộc lộ bằng những câu như "*Thần làng mình linh lắm đó bà con. Tây mà còn không dám rờ tới đình thì phải biết!*". Hoặc thường hay khuyên: "*Thề thốt bậy bạ đây rồi bị Thần vạ họng đừng có trách!*".

Nói như vậy, bởi vì có lần Năm Câu chứng kiến một vụ thề trước đình của hai chị đàn bà. Hai chị này ở xóm Lò Gạch, nhà ở cạnh nhau. Một hôm, xảy ra chuyện mất tiền, rồi chị này nói chị nọ ăn cắp. Mới đầu còn đứng hai bên bờ rào xương rồng, lời qua tiếng lại. Một lúc sau, chạy xồng xộc ra ngõ xía xói nhau, lòi bà con dòng họ ra mà chửi rủa rồi xáp vào nhau đánh lộn. Nhờ hàng xóm chạy qua can gián, họ mới chịu yên. Yên, nghĩa là không đánh chửi nhau, nhưng mỗi bên lòi hàng xóm ra để phân bua và làm chứng. Cuối cùng là họ kéo nhau xuống đình để thề... Thiên hạ chạy theo coi, cũng hăm hở không kém người trong cuộc! Rần rần rộ rộ như vậy mà khi vào trong đình là im phăng phắc. Tới đó rồi mà hai chị đàn bà vẫn còn thách nhau, mặc dù không dám to tiếng:

- Mày giỏi mày thề đi! Thề đi!

Cò cưa một lúc rồi cũng có chị thấp nhang thề trước:

- Tôi xin thề trước đình là nếu tôi có ăn cắp tiền của con nhỏ này thì cho xe lửa cán tôi đi!

Đến lượt chị thứ nhì, giọng còn hậm hực:

- Tôi mà nói gian cho nó cũng cho xe lửa cán tôi đi!

Sau đó họ kéo nhau về, rẽ làm hai tốp, mỗi tốp đi theo một chị, im lặng, lo lắng. Trong thâm tâm mỗi người hàng xóm đều có một sự chờ đợi, phập phồng. Không ai để ý rằng chẳng có chị nào dám nói "thề trước Thần" mà chỉ dám nói "thề trước đình" và chuyện "xe lửa cán" ở cái làng xa xôi này thật là quá vô lý!

Vậy mà tháng sau, cả hai chị đàn bà đó đều ngã lăn ra chết. Chị bị tình nghi ăn cắp tiền chết trước, trúng gió, nằm liệt mấy hôm rồi chết không trối được một tiếng. Hàng xóm nói chỉ "*mắc lời thề*". Chị mất tiền chết sau, thầy pháp nói chỉ bị vong hồn của chị chết trước bắt! Hàng xóm lại nói chỉ "*cũng mắc lời thề*"... Năm Câu thì nghĩ khác. Năm Câu cho rằng hai chị đó "giỡn mặt với Thần; chuyện bậy bạ đâu mà dám đem Thần ra làm chứng", vì vậy mà cả hai đều bị "thần quờ". Vụ thề thốt đó đã làm cho Năm Câu càng tin tưởng mãnh liệt ở sự linh thiêng của Ông Trên... Rồi một năm đó, vào mùa mưa, ông từ giữ đình qua đời. Làng xã và bang hội đưa Năm Câu vào đình thay thế. Từ đó, Năm Câu trở thành Năm Từ, dọn lên ở cái nhà nhỏ sau đình.

Rồi cũng từ đó, thẳng Nhành - lúc này đã bắt đầu lớn - nổi nghiệp tía nó luôn. Hồi còn nhỏ, nó học hết lớp nhì rồi ở nhà học nghề câu với tía nó. Lâu lâu nó cũng theo tía nó chèo xuống đưa du kích qua sông (Bấy giờ, người ta gọi mấy người đi kháng chiến là du kích). Mấy chú du kích hay vò đầu nó hoặc để cho nó mân mê mấy khẩu súng lục. Nó khoái thứ này lắm. Vừa lảng vừa nặng. Rờ vào thấy lạnh ngắt mà khi cầm trong tay thì bỗng nhiên mình cảm thấy mình không còn biết sợ cái gì hết! Giống như có vô bùa... Những lúc đó, mắt nó ngời lên thích thú cũng bằng như vừa kéo lên một con cá bự. Bấy giờ thẳng Nhành đi câu một mình. Lâu lâu cũng đưa du kích qua sông như tía nó đã làm hồi đó, và lâu lâu cũng "đi mất" vài hôm...

Thằng Nhành không chịu lên ở trên đình với tía nó. Nó thường đến phụ quét dọn trong đình ngoài sân, nhưng xong việc là nó trở về cái chòi tranh ở bờ sông. Ở đó, nó có cái thế giới của nó, cái thế giới mà tía nó đã tạo ra và trong đó nó đã sanh ra, lớn lên, quen nhìn quen thấy. Chẳng có gì đặc biệt: nhà tranh nền đất, một gian, một chái làm bếp, nhìn ra sông qua một sân có trồng mấy bụi mía, đám mì, mấy cây ớt, phía sau là đám chuối xiêm với giàn bầu, bên hông là con lạch nhỏ có chiếc cầu con bằng ba tấm ván vừa dùng để tắm giặt vừa dùng để cột xuồng. Chỉ có ngần đó thứ, thật đơn sơ nhưng cũng thật là thân thuộc, những thứ đã dính liền vào cuộc sống của nó từ thuở ấu thơ và bây giờ đã trở thành cửa riêng của nó, của một mình nó thôi.

Năm Tù ở trên đình cũng buồn. Thường xuống câu với thằng con mấy bữa hoặc ở lại ngủ với nó mấy đêm. Người ta nói: "*Năm Tù không thể vắng con quá ba ngày!*". Sáng nào cũng vậy, đi câu về chèo xuồng ghé qua chợ giao cá cho bạn hàng xong, thằng Nhành chèo miết về nhà tắm rửa rồi thả bộ lên đình kiếm tía nó. Năm Tù cũng vừa cúng nước xong. Hai cha con đưa nhau xuống xóm Nhà Máy, uống cà phê ở tiệm Tủng Gòn. Chú Tủng Gòn năm nay đã năm mươi ngoài, nhưng người trong xóm vẫn tiếp tục gọi là "tùng", vì đã quen gọi như vậy từ mấy chục năm nay, từ hồi chú còn nhỏ. Chú là người Quảng Đông. Ông già chú làm trong nhà máy xay lúa của ông bang Xôi từ hồi xưa hồi xưa. Qua tới đời bang Bi – con bang Xôi – lên làm chủ, ông cũng vẫn tiếp tục làm cho đến khi ông mất.

Tủng Gòn hồi bên Tàu mới qua, không biết nói một tiếng Việt Nam. Vậy mà đi chơi chung với bầy trẻ trong xóm, ọ ẹ riết rồi cũng nói được, tuy rằng phát âm vẫn còn lơ lớ. Cách phát âm đó, mấy chục năm sau Tủng Gòn vẫn không sửa được mặc dù cưới vợ Việt Nam và đẻ một bầy con chẳng có đứa nào biết một tiếng Tàu! Tủng Gòn và Năm Tù quen thân nhau từ hồi nhỏ. Hồi đó, trẻ con phá phách nhứt trong xóm là "thằng Năm và thằng Gòn". Hai đứa chiều nào cũng rủ một bầy con nít xuống tắm sông ở bên gổ trại cửa thầy Cai. Ở đó có cây gừa thật to, gốc trên bờ nhưng thân nghiêng ra ngoài nên những cành già thả rể dài xuống mặt nước. Mấy đứa nhỏ bám mấy rễ đó đu qua đu lại hoặc để lấy đà quăng mình ra xa lộn một vòng trước khi rơi ùm xuống nước. Cây gừa đó đã bị trận lụt năm Thìn lồi tróc gốc, nhưng những kỷ niệm cũ Tủng Gòn vẫn còn nhắc hoài. Có lần, thằng Nhành nghe Tủng Gòn kể lại:

- Hồi đó tao chưa biết lội. Thằng Năm bày đặt bắt chuồn chuồn cho cắn rún tao đau thấy mẹ rồi xô tao xuống nước làm tao uống hết một bụng! May là chỗ đó cạn chớ không thì đã chết chìm rồi. Đu mẹ! Thằng ác can không nổi!

Gọi lại những mẩu chuyện nhỏ hồi xưa, Năm Tù và Tủng Gòn nghe trong lòng vừa cảm động vừa thích thú. Bây giờ, hai người vẫn "mày tao" như hồi đó, nhưng nhìn nhau đã thấy bắt đầu già... Nói chuyện với Tủng Gòn, Năm Tù hay ví mình như cái đình, cũng xưa, cũng cũ, cũng rêu phong, còn thằng Nhành thì được tía nó ví như một cái nhà gạch nền đúc, mái lợp bằng ngói móc tân thời lúc nào cũng đỏ au màu mới. Ví von không phải để tiếc tuổi tráng niên của mình hồi đó, mà để thấy tự hào đã tạo ra thằng con như vậy. Cái sung sướng của Năm Tù là thằng Nhành tiếp nối nghề nghiệp của tía nó và hai cha con vẫn ở gần nhau chớ không phải như bầy con của Tủng Gòn, từ ngày mẹ chết, tụi nó theo người bà con xuống Chợ Lớn làm ăn, bỏ ba tụi nó một mình với quán cà phê. Lâu lâu Tủng Gòn hay than:

- Mày có phước hơn tao, một cây có một trái mà lúc nào cũng có cha có con. Còn tao đẻ một bầy năm đứa mà rốt cuộc cũng như không có đứa nào hết! Đu mẹ nó!

Tủng Gòn lúc nào mở miệng cũng phải chửi thề. Làm như là một sự cần thiết cho câu nói. Thật ra, tiếng chửi thề là tiếng Việt Nam mà Tủng Gòn học nói đầu tiên với mấy đứa nhỏ, hồi bên Tàu mới qua. Rồi cứ lập đi lập lại riết nên trở thành cái tật, bỏ không được! Như vậy, từ mấy chục năm nên cũng không ai để ý nữa.

Năm Tù cũng quên mất là chính mình hồi đó đã dạy "thằng Gòn" nói tầm bậy tầm bạ nhứt, để cười chơi. Bây giờ, lâu lâu nhớ lại tiếng chửi thề "chấm câu" của thằng bạn người Tàu, Năm Tù nghe thương bạn vô cùng. Vừa thương tính thật thà "học sao nói vậy" của Tủng Gòn từ hồi xưa hồi xưa tới giờ vẫn không thay đổi, vừa thương tình cảnh gia đình người bạn, cũng góa vợ như mình nhưng không nhờ cậy gì được ở bầy con. Những lúc đó, Năm Tù nhìn thằng Nhành một cách triu mến và thấy tất cả cuộc sống của mình đều tích tụ vào nó như đóm lửa ngọn đèn dầu thấp sáng trong đêm: Năm Tù là cây đèn dầu mà thằng Nhành là đóm lửa nằm trên đầu sợi tim, sức sống của cây đèn.

...Rồi một hôm có tin đình chiến với hiệp định gì đó chia hai đất nước. Chia ở đâu, thiên hạ không rõ nhưng nghe nói hết giấc là ai cũng mừng. Ở ngã ba lộ cái người ta tụ tập, nghe ngóng, bàn tán xôn xao. Tây và bực-ti-dăng rút vô đồn, bỏ mặc bên ngoài dân chúng muốn làm gì thì làm. Xe đồ nào từ Sài Gòn chạy về ngang cũng phải ngừng lại ngã ba để người ta hỏi thăm tin tức. Làm như đó là cơ quan thông tin! Thôi thì mạnh ai

nấy nói: tài xế, lơ, hành khách người nào cũng muốn chứng tỏ rằng mình am tường tình hình, ồn ào như cái chợ! Nói nghe thì nhiều, nhưng rốt cuộc chỉ vây quanh có mấy điểm: Tây thua mình thắng, xứ sở tạm thời chia hai, ai muốn ra Bắc thì theo tập kết, ai muốn ở miền Nam thì tự do vào miền Nam, vài bữa trưng cầu dân ý để thống nhất. Thật là giản dị!

Vài hôm sau thấy có vài anh du kích về thăm nhà để sau đó đi tập kết. Đi lại thật tự do, làm như chuyện đánh giặc mười năm chỉ là chuyện giỡn chơi trong giấy lát. Có vài người ghé thăm Năm Tù và thằng Nhành để cảm ơn vụ đưa rước qua sông. Họ rủ thằng Nhành theo họ ra Bắc "chơi cho biết". Thấy được dịp đi đó đi đây thằng Nhành cũng hăng lắm, nhưng khi nó nhìn thấy đôi mắt tia nó tối lại, nó biết tia nó không bằng lòng nên nó làm thinh. Năm Tù trả lời:

- Bây giờ yên rồi, cha con tôi kể như đã làm tròn nhiệm vụ đối với kháng chiến. Mấy chú cứ đi đi. Để thằng Nhành ở lại với tôi cho có cha có con.

Họ giải thích dông dài để thuyết phục Năm Tù, nhưng rốt cuộc đành đề nghị ở lại chơi một ngày và đi câu với thằng Nhành đêm đó trước khi chia tay để đi tập kết.

Sáng hôm sau, cúng nước xong, Năm Tù ra ngồi chồm hòm ngoài cổng đình hút thuốc, đợi con, Người trong xóm đi chợ, ngang qua chào hỏi:

- Đợi thằng Nhành hả chú Năm?

Hỏi mà không cần trả lời, bởi vì họ biết chắc mười mười là đúng như vậy. Năm Tù ậm ừ lấy lệ, mắt nhìn xuống dốc đình phía bờ sông. Lâu lâu đứng lên để cái nhìn đưa xa hơn về phía dưới. Cứ đứng lên ngồi xuống như vậy đến khi mặt trời đã lên quá hai sào mà vẫn chưa thấy bóng thằng Nhành. Thật là lạ! Xưa nay thằng nhỏ chẳng bao giờ trễ tràng đến như vậy. Chắc có chuyện gì rồi. Năm Tù đành bươn bả đi về hướng bờ sông. Đi mà giống như chạy. Phần vì xuống dốc, phần vì nóng lòng muốn chóng tới nơi.

Con đường mòn dẫn tới chòi tranh của thằng Nhành, chân quen đi lại từ bao nhiêu năm, mà bây giờ sao bỗng thấy nó ngoằn ngoèo một cách vô lý. Phải đi vòng phía sau lò heo của chú Mìn, bước qua hai đường mương trên mấy khúc tre gập ghềnh rồi đi quanh lò bún của dì Tư Đập mới trở ra ruộng mía của thầy Cai. Ở đây lẽ ra Năm Tù phải bọc theo ven ruộng mía đến gốc cây gõ rồi ôm bên hông lò rèn Hai Tịnh mà ra bờ sông, nhưng đi như vậy quá chậm. Năm Tù nhắm hướng rồi băng càn qua ruộng mía. Lá mía cắt mặt cắt tay mà Năm Tù vẫn không hay không biết, cứ cắm đầu đi thẳng về phía trước. Một lúc là ra khỏi ruộng mía. Nhìn về phía bên trái là thấy nhà thằng Nhành, phen tre sập xuống im lìm. Đẩy phen tre lên, bên trong vắng ngắt. Cái nhà một gian một chái không vách ngăn, bỗng như rộng mênh mông. Năm Tù bỏ phen tre xuống, bước ra ngoài con lạch: chiếc xuồng câu không có đó. Chết rồi! Thằng Nhành chắc bị gì rồi! Năm Tù hốt hơ hốt hải chạy băng ruộng mía, chạy ngược về đình, chạy đổ xuống xóm nhà máy, ghé quán cà phê cho Tưng Gòn hay, nhíp thờ cất câu nói thành từng khúc:

- Thằng Nhành...bị...gì rồi...Nó đi câu...hồi hôm giờ...chẳng thấy về...Tao đi...mượn xuồng Hai Hiệp...kiếm nó coi.

Tưng Gòn chắc lưỡi chửi thề, chưa nói được gì thì Năm Tù đã chạy ù đi mất.

Sông Vàm Cỏ Đông rộng mênh mông. Từ bờ bên này nhìn thấy bờ bên kia nhưng hai bờ xa nhau quá ba dặm hú. Bờ bên kia không có xóm làng. Hồi xưa là bưng và rừng tràm. Dân bên này chèo xuồng qua bên đó đốn cây tràm về làm cừ hoặc đi lấy mật ong về bán. Người ta cũng qua đó khai mương đắp bờ làm ruộng. Mới đầu còn ít nhưng sau rồi rừng tràm bị đốn tới đâu là ruộng lúa lan theo tới đó. Không có ai cất nhà ở bên đó, nhưng họ cất chòi để giữ ruộng, hoặc thấp lè tè núp dưới lùm cây dại, hoặc chòi cao căng đứng lêu nghêu giữa đồng. Vào mùa gặt, bên đó đông như hội... Thằng Nhành thường giăng câu bên kia sông, trong khoảng từ rạch bà Chạy kéo xuống rạch ông Tôn, ngang qua vịnh Mù U, chỗ có chiếc ghe bầu đựng bè gỗ chìm hồi tia nó còn trẻ. Vốn biết rành vùng giăng câu của con, nên Năm Tù chèo riết qua sông, đâm xéo xéo qua con rạch trên mà mắt nhìn dài theo mé nước.

Dọc bờ sông cây cối mọc um tùm. Nhiều cây cao, tàn xòe ra như cây lọng, cò ở đâu về đậu trắng như bông. Buổi sáng bên sông nắng trong tinh khiết. Mặt nước trải dài rộng thênh thang. Thật mát và thật êm ả. Cảnh trí đó, Năm Tù đã từng thường thức không biết bao nhiêu lần mà kể. Vậy mà bây giờ, nó không còn ý nghĩa gì hết. Cái tịch mịch, cái êm ả chung quanh chỉ làm tăng thêm sự dao động bên trong của Năm Tù. Thà có tiếng ai hò ai hát, thà có tiếng ai gọi ai kêu để Năm Tù cảm thấy rằng mình đang đi vào một vùng sinh động, trong đó nếu không hy vọng gặp thằng con thì cũng còn hy vọng gặp người này người nọ để hỏi dò coi có ai thấy thằng Nhành không. Đàng này, ngoài tiếng chèo khua nước, Năm Tù còn nghe được tiếng trái tim mình đập

mạnh, hơi thở mình đứt quãng. Để tránh cái cảm giác ngây ngấy khó chịu đang dâng lên, Năm Từ dừng xuống ở miệng rạch bà Chạy, hướng vào trong gọi lớn :

- Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !

Tiếng Năm Từ vang dài, lờng lờng trên mặt sông, giống như tiếng mấy người quảng cáo thuốc nói trong loa. Bầy chim đầu đỏ hoảng hốt bay vù lên trời. Năm Từ gọi tiếp mấy lần, tiếng gọi mất hút trong xa, chỉ thấy trả về yên lặng và yên lặng. Nước bắt đầu ròng. Năm Từ thả xuống trôi theo nước, mắt vẫn tiếp tục nhìn vào mấy hốc mấy lạch, lâu lâu gọi con, nghe như tiếng loài chim hoang chỉ sống ở ven sông để kêu khi nước lên nước xuống...

Trôi tới vịnh Mù U thì mực nước đã để lòi cao cái bánh lái của chiếc ghe bầu chìm. Không biết hồi xưa ghe đựng bè gỗ cách nào mà chìm trút mũi xuống đáy sông, chổng lái lên trời, rồi đứng nguyên ở tư thế đó từ mấy chục năm nay. Năm Từ nhớ hồi thằng Nhành còn nhỏ, lúc nào giăng câu gần đó nó cũng lòi tới đó để treo lên bánh lái lấy đà phóng xuống nước. Càng phóng ra xa chừng nào nó càng khoái chí chừng nấy. Khi trôi lên mặt nước, nó cười vang sông, tiếng cười thật trong trẻo mát rượi. Tiếng cười đó đã mất đi từ ngày thằng Nhành lớn lên, làm Năm Từ lâu lâu thấy nhớ. Sau này, bánh lái đó là chỗ mà thằng Nhành thường cột xuống đợi nước, vừa xa bờ vừa nằm vào giữa khoảng giăng câu. Bánh lái lòi cao ra đó vậy mà thằng nhỏ nó ở đâu bây giờ? Không có dấu vết gì của nó hết. Từ chiếc xuống đến những cái phao làm dấu đường giăng. Năm Từ gọi tiếp rồi gọi tiếp:

- Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !

Tiếng Năm Từ càng gọi càng nghe thảm thiết. Chỉ có mấy âm " Nhành ơi " mà sao nghe não nuột như một chuỗi dài than thở héo hon. Mỗi lần gọi con, Năm Từ cảm thấy như hơi sức bị hao mòn đi một ít. Cũng như niềm hy vọng đang mòn dần...mòn dần...

Nước càng ròng càng chảy mạnh. Xuống Năm Từ trôi băng băng. Một lúc sau là tới rạch ông Tồn. Rạch này rộng hơn rạch bà Chạy, và dài hơn vì nó dẫn tới bìa rừng Bù Nốp. Hai bên rạch là ruộng lúa dài dài. Trên bờ rạch, xa xa, chòi ruộng đứng bơ vơ... Khi cho xuống vào vàm rạch, Năm Từ thoáng nhìn thấy trong xa ngọn cây tầm vong mà người ta thường dùng để cắm xuống lòng rạch giữ thuyền. Mắt sâu bỗng sáng lên, Năm Từ lấy sức chèo ngược dòng, chèo hối hả. Vừa chèo vừa hướng vào trong gọi to:

- Ở... Nhành ơi ! Ở... Nhành !

Tiếng gọi con bây giờ cũng nghe dồn dập như nhịp chèo khua nước.

Chẳng mấy lúc là đã thấy dạng con xuống nhỏ cắm sào bên chòi ruộng thấp lè tè. Năm Từ thấy không phải xuống của con, đã chán nản, thì trong chòi có người lom khom bước ra. Nhìn rõ thì là thằng Lừa ở xóm Lò Gạch. Thấy Năm Từ, nó ngạc nhiên:

- Ủa ! Chớ bác Năm không hay thằng Nhành đi Dầu Tiếng rồi à?

Đến phiên Năm Từ ngờ ngác:

- Thằng Nhành... Thằng Nhành đi Dầu Tiếng?

Thằng Lừa vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- Chớ nó không có xin phép bác sao? Nó đi từ chiều hôm qua. Đi với mấy chú du kích. Đi Dầu Tiếng để sáng nay tập kết ra ngoài Bắc.

Năm Từ bủn rủn tay chân, vói nắm cây sào rồi tì lên đó để khỏi quỵ xuống. Năm Từ còn nghe được tiếng của mình nói:

- Vậy hà !

Rồi nghe tiếng thằng Lừa kể chuyện lại, tiếng được tiếng mất, chập chờn như trong chiêm bao:

- Chiều hôm qua, nó chèo xuống lên xóm của cháu để rủ cháu đi tập kết. Cháu bị còn bà già với lúa ruộng đang mê mê nên không dám đi. Nó gởi xuống ở nhà cháu rồi đi luôn với hai chú du kích. Cháu tưởng bác Năm hay rồi chớ !

Năm Từ lại nghe tiếng của mình nói:

- Vậy hà ! Ở... Không hay.

Thằng Lừa còn nói loáng thoáng:

- Chiều cháu về cháu đem xuống của nó xuống cho bác, nghe.

Năm Từ " ờ " lúc nào không biết. Chỉ biết có buông cây sào ngồi xuống, và biết không còn gì hiện hữu nữa mà mình thì đã chết hẳn từ hồi nào rồi... Xuống không được giữ lại, từ từ theo nước trôi đi. Trôi dọc, trôi ngang như chiếc lá to giữa dòng. Năm Từ ngồi trên đó như một pho tượng, lưng cong cong, đầu cúi xuống, tay buông thõng. Đến mấy khúc quanh, xuống va vào bờ rồi trở đầu. Nhiều lần như vậy mà Năm Từ vẫn không

nhúc nhích. Cuộc sống như ngừng lại. Chỉ có tiếng chim hoang kêu lên từng chập, tiếng chim trầm bổng nghe như còn tiếp tục gọi: "Ồ... Nhanh ơi !Ồ... Nhanh!" Xuồng trôi ra sông, trôi dọc theo bờ, trôi dài xuống hạ lưu. Năm Tù chỉ giựt mình tỉnh hồn khi xuồng đụng mạnh vào một thân cây nằm dài trong nước. Va chạm mạnh đến mức độ xuồng nghiêng về một bên làm nước tràn vào trong. Năm Tù chụp lấy cây chèo để giữ thăng bằng, rồi vừa nạy cho xuồng rời khỏi thân cây vừa nghĩ: "Mẹ ! Xuồng của người ta ! Rủi có bề gì thằng Hai Hiệp chửi tắt bết!". Khi xuồng đã tách khá xa bờ, Năm Tù nhìn quanh thấy mình đang ở tuốt dưới doi Cây Gõ. Nhìn ngược lên, nhờ khúc sông vừa rộng vừa thẳng, nên thấy nhà cửa xóm làng lúp xúp ở chân trời. Làm như muốn chìm xuống nước.

Sửa lại quai chèo, Năm Tù chèo về chậm chậm. Không có gì phải gấp. Không còn gì phải gấp. Bây giờ, thật sự chẳng còn gì nữa hết. Cha mẹ chết từ hồi mình còn trẻ. Vợ chết sau khi đẻ thằng con. Bà con thì chẳng còn ai. Có mỗi một thằng con mà nó cũng bỏ đi mất! Minh bây giờ thật là bơ vơ. Cuộc đời này bây giờ thật là không còn ý nghĩa gì nữa. Thằng Nhanh đi rồi, mình giống như cây đèn dầu bị thổi tắt ngọn lửa. Cây đèn dầu sẽ vĩnh viễn không còn được thắp sáng. Sự sống đã bị ai cướp mất đi rồi... Bỗng Năm Tù nghĩ lại: "Chắc mấy thằng du kích nó dụ con mình, chớ thằng Nhanh làm gì tự nó bỏ đi được?". Chưa kịp cảm phẫn, lại nghĩ tiếp: "Cũng tại mình hết. Ai biểu đưa rước kháng chiến? Rồi còn tập cho thằng nhỏ đưa rước để cho nó lậm luôn. Bây giờ còn trách ai?". Còn đang ân hận thì lại nghĩ khác: "Mà thằng Nhanh cũng đã lớn rồi chớ phải con nít sao mà nghe lời người ta dụ". Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh rồi khi thì tức mấy thằng du kích, khi thì tự trách mình, khi thì giận thằng con. Lý luận vòng vo để không biết ngừng ở đâu cho phải, giải quyết thế nào cho đúng. Đầu óc Năm Tù rối tợ bông bong... Mặt trời đã đứng bóng. Nước còn rờng. Năm Tù chèo ngược nước mà có cảm giác như đang cố ngoi lên từ đáy sông để tìm một cái phao, một điểm tựa, một lối thoát...

Khi Năm Tù bước vào tiệm nước, Tưng Gòn nhận thấy thằng bạn như thất thần. Không đợi hỏi, Năm Tù thuật lại vắn tắt, nói như cho chính mình nghe:

- Nó đi rồi ! Nó trốn tao, nó đi rồi! Đi ra Bắc với Tiên Tổ nó ở ngoài!

Tưng Gòn dậm chân chửi thề liên hồi. Rồi nhớ lại thằng bạn chắc chưa ăn sáng, bèn đề nghị:

- Tao nấu hủ tiếu hai đĩa mình ăn nghen! Đu mẹ nó! Ăn cái đã!

Một lúc sau, cả hai cùng ngồi ăn, chẳng biết nói gì với nhau hết. Tưng Gòn đem ra thêm một tô xí quách và một xí để:

- Đu mẹ! Thứ này đưa cay là hết xẩy!

Năm Tù không phải bợm rượu, tuy lâu lâu có dịp cũng lai rai. Bữa nay, sau mấy hớp đầu, bỗng nghe trong người như được bơm thêm một chút sinh lực. Ngẫm lại mấy ông già xưa nói thật có lý: uống rượu để giải sầu. Vậy thì làm thêm vài ly cho nó tỉnh mình rồi về đình còn quét lá sân trước sân sau. Mấy ông còn nói : "Uống rượu để quên trời quên đất ". Vậy thì làm thêm một xí nữa cho nó đừng nhớ gì hết. Mà thiệt! Sau đó không nhớ là đã nốc hết bao nhiêu xí. Quên cha nó mình là ai, ở đâu. Chỉ còn nhớ mang máng là mình vừa mất thằng con. Không! Không phải! Mình đang đi kiếm thằng con, thằng nhỏ đi lạc đâu đó. Coi chừng nó bị té sông. Coi chừng nó bị xe đụng. Té sông cũng chết! Xe đụng cũng chết! Năm Tù giựt mình đứng phắt lên nhìn ra ngoài. Tưng Gòn đang trở mắt ngạc nhiên thì Năm Tù đã xiêu xiêu bước ra đường, rồi vừa ngất ngưỡng chạy như người lên đồng, vừa kêu, vừa khóc, vừa kể lể :

- Nhanh ơi ! Con đi đâu? Rồi té sông té suối làm sao? Rồi xe cộ cán con làm sao? Rồi con bỏ tía ở lại với ai? Tía đây nè con ơi...Hu...Hu...

Lâu lâu, Năm Tù té quỵ xuống, gượng đứng lên, băng xiêng băng nai mà chạy tới như được tiếp sức bởi một mãnh lực vô hình. Trẻ con bu theo như ruồi, vỗ tay cười khi thấy người say té chúi xuống. Người lớn nhìn nhau, không hiểu. Có mấy người bước lại đỡ Năm Tù lên :

- Sao vậy chú Năm ?

Rồi khi nghe mùi rượu nặc nồng, họ đề nghị :

- Để tui này đưa chú về đình.

Năm Tù mắt trợn trừng, vùng ra hét to :

- Về đâu? Người ta đi kiếm thằng Nhanh mà về đâu? Nó đi lạc đâu rồi. Hu...Hu... Con ơi là con...

Rồi tiếp tục chạy, tiếp tục kêu, tiếp tục khóc. Lên đến gò Đồng Mả, Năm Tù kiệt sức, ngã lăn dưới gốc cây đa rồi ngủ thiếp đi. Năm Tù không biết rằng mình đã tìm ra được một lối thoát !

Từ đó, lâu lâu nhớ con, Năm Tù "lên" một cơn say dậy xóm dậy làng... Đó là lúc mà cây đèn dầu của Năm Tù được vắn cho sợi tim lú lên cao thật cao để tìm ngọn lửa, ngọn lửa mà người ta đã cướp mất. Năm Tù lúc nào cũng kết thúc cơn say ở gò Đồng Mả, làm như tiềm thức dẫn Năm Tù đến đó là cuối đường.....

Yên được đôi năm gì đó rồi lại thấy có giặc lại. Quân đội quốc gia cũng đóng đồn trên đất ông đốc-phủ, chỗ tây đóng hồi đó, nhưng đào hào đắp bờ kiên cố hơn. Dân chúng vẫn ở chung quanh, không thay đổi. Chỉ thay đổi là bây giờ không phải Việt Minh đánh với Tây mà là Việt Cộng đánh nhau với Quốc-Gia. Đánh nhau đâu ở trong xa, thật xa đến nỗi không nghe tiếng súng. Chỉ nghe đồn khi có đưng độ lớn ở đâu đó, miệt Trảng Nhỏ hay miệt Giồng Riềng. Chớ tại làng của Năm Tù thì từ thời Tây đến bây giờ chưa biết mùi giặc ra làm sao hết. Rừng cây dầu ở gò Đình được rông cho trống trải để dễ giữ an-ninh. Mấy cây dầu lớn đều bị đốn hết, chừa lại mấy cây con, to cỡ bằng bắp chân trở xuống. Thành ra coi thật xơ-rơ.

Hồi đó, rừng dầu vừa rậm vừa cao, ôm lấy đình như để bảo vệ cái phong khí u-tịch đã có từ thuở xa xưa. Ngoại trừ khi cúng cầu an có rước hát bộ hát cho Thần coi, và có làng xã dân chúng tham dự rộn rịp, hoặc những khi cá nhân hay đoàn thể cúng bái tạ ơn Thần, ngày thường đình là nơi trang nghiêm vắng lặng ít người lui tới. Đối với dân làng, đó là nơi linh thiêng cần phải có tính cách biệt lập. Một phần vì vậy mà dân xóm Đình đều cất nhà cách rừng dầu một khoảng khá xa, nằm thấp phía dưới, và tin tưởng rằng có Thần ở trên cao phò hộ. Bây giờ, rừng dầu bị chặt đi, cây con lứa thưa chưa cao quá một sào. Cái đình vì vậy nhô ra một cách trần tục, không còn gì nét tôn nghiêm hết. Năm Tù thật đau lòng và bất mãn. Mỗi một cây dầu bị hạ xuống là một lần Năm Tù nghe xót xa. Những cây dầu thân to bằng hai ba người ôm, thẳng đuồn đuột và cao nhìn trặc ót, đã có từ thời ông cố ông sơ gì tới giờ.

Không phải vài ba chục năm mà được như vậy. " Nó " đã biết làng này từ thuở còn là một xóm nhỏ lèo tèo vài ba mái nhà tranh vách đất nằm lúp xúp cạnh bờ sông, đã nhìn cái xóm nhỏ đó từ từ lớn lên để thành cái làng với đường ngang đường dọc, với nhà gạch nhà lầu. Nó đã chứng kiến thế hệ này nối tiếp thế hệ nọ, mỗi đời người một vươn lên, từ mức dân quê dốt nát tiến đến có người làm đốc phủ, có người làm giáo sư, có người làm dược sĩ... Những cây dầu đó thật sự đã sống với làng với xóm với con người không khác gì các bô lão. " Nó " đã thuộc vào " lịch sử " của làng này cũng như khúc sông Vàm Cỏ nằm xa phía dưới kia. Đối với Năm Tù, hạ những cây dầu cổ thụ đó xuống cũng giống như mình tự cắt đứt gốc rễ, những thứ đã bắt nguồn từ sông ngòi ruộng đất của Tổ Tiên. Quí vô cùng mà tội nhỏ bây giờ đâu cần biết! Công tác hạ cây đã được quyết định bởi ông trung úy trưởng đồn và hội đồng xã, sau khi nghiên cứu địa hình địa vật tại chỗ! Năm Tù có thắc mắc hỏi ông chủ tịch xã - còn trẻ măng - thì được ông này trả lời một cách thản nhiên rằng khu rừng cây này chẳng liên hệ gì tới cái đình hết và ông Tù giữ đình chẳng có trách nhiệm gì khác hơn là việc thấp nhang cúng thần hằng ngày. Năm Tù làm thinh nhưng lòng đầy cay đắng vì thấy rằng làng xã thời nay không còn là một sự tiếp nối của thời xưa cho nên phạm vi của cái đình đã bị thu hẹp lại còn có cái nóc bên trên và cái nền ở dưới!

Sau đó, ngoại trừ lúc lên đình thấp nhang cúng nước, Năm Tù hoặc đi câu hoặc lúc thức ở trong nhà - một ngôi nhà nhỏ cột gỗ ngói âm dương cất ở góc sân sau đình - chớ không ra quét lá đều đặn như lúc trước nữa. Vì vậy, đình càng u-trệ xơ-rơ hơn. Người trong xóm biết Năm Tù bất-mãn, tuy rằng chẳng nghe Năm Tù phân bua than thở với ai một lời. Một hôm, đang lúi húi quét dọn trong đình, Năm Tù nghe có người gọi nhỏ từ ngoài sân:

- Chú Năm ! Chú Năm !

Nhìn ra, thấy một người đàn ông lạ mặt, áo sơ-mi trắng quần tây đen, xách cặp-táp có vẻ như một thầy thơ-ky. Năm Tù bước ra hiên:

- Ờ...Thầy hỏi chi ?

Người đàn ông nhìn quanh trước khi nói :

- Tôi có cái thơ của thằng Nhành gởi cho chú.

Năm Tù nghe điển hồn như bị sét đánh gần bên, bỏ rơi cây chổi lúc nào không biết. Từ mười mấy năm nay, cái tên Nhành chỉ được Năm Tù gọi trong cơn say – nghĩa là miệng gọi nhưng tai không nghe và đầu óc không nhớ – cho nên âm thanh đó bị chìm sâu trong tiềm-thức. Bây giờ, trong lúc Năm Tù đang tỉnh táo mà âm thanh thân yêu đó bỗng bật lên quá nhanh, quá mạnh và quá bất ngờ, làm Năm Tù choáng váng đứng không vững , tưởng chừng như mình đang trong cơn say ! Một lúc sau, Năm Tù có cảm giác như vừa ngoi lên khỏi mặt nước, nói bằng một giọng trống rỗng: "*Vậy là nó còn sống!*"

Người đàn ông bước lại gần :

- Dạ. Nó đang công tác ở ngoài đó và vẫn mạnh khỏe. Nó nhớ chú lắm và thường hay nhắc tới chú.

Năm Tù nghe lòng ruột rã ra từng mảnh. Hình ảnh thằng con hiện về trong đầu thật rõ nét làm như nó chưa bao giờ rời khỏi vòng tay của mình. Năm Tù cười như mỉu:

- Vậy hà ?

Ngừng một lúc rồi tiếp :

- Mời thầy qua nhà tôi uống nước.

Vào nhà, Năm Từ rót trà mời khách :

- Thầy uống miếng nước.

Người đàn ông cười hiền hòa :

- Tôi tên là Qui. Bạn bè kêu là Sáu Qui. Cứ gọi tôi là thằng Sáu hay thằng Qui gì cũng được.

Một lúc sau, Sáu Qui mở cặp lấy thơ đưa cho Năm Từ :

- Thằng Nhàn ra ngoài đó được cho đi học lại. Bây giờ, chữ nghĩa nó đạt lắm.

Năm Từ cầm lấy thơ mà tay run-run. Lật qua lật lại một lúc rồi trao cho Sáu Qui :

- Tôi dốt. Không biết đọc. Thầy đọc tôi nghe coi.

Sáu Qui hớp một ngụm trà rồi đọc thơ. Năm Từ cầm chén trà hớp từng hớp nhỏ, đầu gật gù giống như người ta đang thưởng thức trà. Thật ra lòng Năm Từ vừa mở rộng sung sướng lại vừa cảm động miên man... Cây đèn dầu "Năm Từ" bỗng thấy sợi tim lú lên cao, đầy hy vọng. Bởi vì có người vừa bật diêm quẹt gần đầu đó! Thơ không dài. Đại khái là thằng Nhàn vẫn mạnh giỏi, công tác tốt. Nó sẽ trở về một ngày gần đây. Điểm chánh yếu trong thơ là nó gợi gắm Sáu Qui cho tía nó. Cuối thơ, nó viết:

"Càng nhớ tía bao nhiêu, con càng có bổn phận phải kiên trì đấu tranh để đem lại hòa bình cho xứ sở".

Nghe đọc thơ xong, Năm Từ ngồi lặng yên. Làm như là để cho nó ngấm từ từ vào người cái ngạc nhiên, cái khoái trá, cái hãnh diện, cái sung sướng... Sáu Qui cũng không nói gì, ngồi nhìn thẳng ra bìa rừng. Bây giờ cây nhỏ lưa thưa nên thấy tuốt xuống hố quần và con đường đất dẫn lên lộ cái. Có tiếng chim kêu trong lá và tiếng con gà mái tục-tục gọi con bên hè. Buổi sáng trên đình thật là êm ả. Không khí mát rượi trinh nguyên...

Bỗng Sáu Qui hỏi Năm Từ:

- Nghe nói rừng dầu rậm lắm mà sao bây giờ coi xơ-rơ vậy chú?

- Ờ...Họ đốn hết lấy gỗ mà rậm.

Sáu Qui hỏi tiếp :

- Ai đốn? Mà tại sao phải đốn? Hả chú?

Giọng Năm Từ cay cú:

- Ồi...Thì chánh quyền đốn chớ ai dám vô đây mà đốn. Họ nói để giữ an-ninh gì gì đó không biết nữa!

Sáu Qui chắc lưỡi :

- Thiệt là bậy ! Đâu phải nhờ đốn hết rừng mà giữ được an ninh đâu chú. Đình chùa là tượng trưng cho sự tự-do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được nhà nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó mới là chuyện làm mất an ninh đó chú!

Năm Từ thật hả dạ khi nghe Sáu Qui lý luận như vậy và bỗng thấy người đàn ông mới quen đó thật là gần gũi với mình, làm như đã biết nhau từ lâu. Giọng Năm Từ trở nên thân mật hơn :

- Đúng vậy. Họ có nghĩ như mình đâu !

Ngừng một chút rồi tiếp :

- Vậy chớ thầy Sáu quê ở đâu?

Sáu Qui bật cười :

- Chú kêu tôi bằng thầy nghe cách biệt quá chú! Kêu tôi bằng cháu đi, như tôi là anh của thằng Nhàn vậy.

Năm Từ nghe lòng thật ấm cúng :

- Ờ...cũng được. Vậy quê cháu ở đâu há ?

Sáu Qui vắn tắt kể lại lai-lịch của mình: cha mẹ gốc miền Trung, vào Dầu Tiếng làm phu cạo mũ cao su, Sáu Qui lớn lên ở đó, đi kháng chiến rồi tập kết đi luôn tới giờ; kỳ này vào Nam để công tác ba tỉnh miền Đông; Sáu Qui hành nghề châm cứu để độ nhật... Rồi Sáu Qui kết:

- Trong thời gian công tác ở vùng này, tôi chỉ biết trong cây vào sự đùm bọc giúp đỡ của chú thôi.

Năm Từ bỗng thấy như được giao một trách nhiệm, tuy không nguy hiểm bằng công tác đưa rước người qua sông hồi thời kháng chiến chống Pháp, nhưng cũng không kém phần quan trọng . Hình ảnh thời "oanh-liệt" hồi Năm Từ còn là Năm Câu "đưa kháng chiến qua sông như ăn cơm bữa"... hiện về thật rõ nét trong đầu Năm Từ. Giống như mới hôm qua hôm kia! Mắt Năm Từ bỗng sáng lên, máu trong người bỗng chảy mạnh hơn và chỉ trong có mấy giây thôi mà Năm Từ bắt gặp lại cái cảm giác háng hăng của thời trẻ. Năm Từ hạ giọng :

- Ờ...Cứ ở đây với tôi. Yên chí ! Có Thần linh phù hộ, đừng có lo!

Ngừng một lúc rồi tiếp :

- Cháu à ! Hể mình nghĩ phải làm phải thì chuyện gì cũng được Ông Trên giúp đỡ hết!

Từ đó, Sáu Qui nghiêm nhiên trở thành cháu bà con của Năm Tù. Cha Sáu Qui là anh bà con một đầu ông cố với Năm Tù, lâu nay lưu-lạc miệt Chợ lớn, bây giờ tìm riết mới gặp lại nhau. Năm Tù dựng đứng câu chuyện như vậy để thiên hạ đừng ai để ý. Người ta gọi Sáu Qui là thầy Sáu châm cứu và nhà Năm Tù trở thành "phòng mạch bình dân". Thầy Sáu châm mát tay nên bệnh nhân tới lui cũng khá. Lâu lâu, thầy Sáu vắng mặt vài hôm. Nghe nói thầy còn nhiều phòng mạch ở các tỉnh khác, bỏ bệnh nhân không đành...

Thời gian qua mau. Việt Cộng đánh càng ngày càng gần. Tuy chưa nghe tiếng súng nhưng dân làng biết như vậy bởi vì người ở các vùng đó tản cư về đây càng ngày càng đông. Và họ đưa tin còn nhanh hơn bưu điện! Quân đội Mỹ kéo tới đóng đồn tuốt trên gò Đồng Mả. Không phải tại gò Đồng Mả, mà là ở khoảng giữa gò Đồng Mả và xóm Lò Gạch. Ở đó cũng có một cái gò, người Mỹ dùng mấy đoàn xe cam-nhông chở đất đắp từ đâu về đắp lên đó và máy ủi đất đắp vung lên cho gò thêm cao. Chỉ có mấy hôm mà gò đó đã trở thành điểm cao nhất làng. Cái gò mới đó không có tên, nhưng nó được dân làng gọi là "thành Mỹ", bởi vì có hầm hố bờ đê kềm gai thật kiên cố! Mỹ kéo về đó mấy cây đại-bác.

Đêm đầu tiên Mỹ bắn đại-bác, dân làng đang ngủ bỗng giật mình ôm nhau tưởng đâu trời sập, trẻ con khóc điếng lên như bị ai cắn. Xưa nay làng này chưa từng nghe tiếng nổ to như vậy. Sau tiếng nổ điếc con rái là tiếng đạn bay nghe cái ào trên đầu làm tóc gáy dựng lên. Dân làng bắt đầu thấy cuộc đời này không còn yên ổn nữa. Quân đội Mỹ thường bắn đại-bác về đêm. Nghe riết rồi cũng quen, nên không còn ai để ý. Đến một hôm đó, đại bác nổ ban ngày. Thiên hạ bàn-tán nho nhỏ với nhau:

- Chắc Việt Cộng di quân ban ngày nên mới bị pháo như vậy.

Rồi sau đó, ngày đêm gì cũng có tiếng đại bác. Và dân làng bắt đầu nghe xa xa tiếng súng đùng độ giữa hai bên... Đến khi Việt Cộng bắt đầu pháo kích vô làng thì không thấy thầy Sáu châm cứu trở về phòng mạch ở đình nữa. Năm Tù cũng không biết "thằng cháu" đi đâu, đành nói với hàng xóm:

- Nó về dưới Chợ lớn chắc bị bắt quân dịch luôn rồi

Nói như vậy chớ Năm Tù biết mình bị Sáu Qui bỏ rơi, cũng giống như thằng Nhành hồi đó.

Một hôm, vào quá nửa đêm, Việt Cộng pháo vô xóm Đình. Một trái rớt xuống sau đình, tiếng nổ to đến mức độ Năm Tù rớt từ ghé bố xuống đất. Bầy gà sau nhà kêu lên oang-oác. Năm Tù mở mắt nhìn quanh: bóng tối còn nguyên như cũ, vậy là trái đó không rớt trúng nhà mình! Rồi Năm Tù mò mẫm trèo lên ghé bố, cầu nhàu: "*Mỹ ở tuốt gò Đồng Mả sao không pháo. Pháo chi xóm Đình chẳng có con mẹ gì hết*".

Sáng hôm sau, thấy nửa mái đình phía sau bay mất, cột kèo đổ nát tan hoang. Năm Tù nghe lòng đau như cắt. Và chua chát nghĩ: "*Thần Thánh thời nay cũng không được người ta để cho yên!*" Tuy nhiên, vẫn tin tưởng rằng những ai xúc phạm tới đình sớm muộn gì cũng sẽ bị Thần quở. Sau đó đình không được sửa chữa lại. Người ta nói chánh quyền quốc gia còn quá nhiều việc cấp bách để làm. Tình trạng đổ nát đó kéo dài đến ngày ba mươi tháng tư bảy mươi lăm...

-oOo-

Bây giờ mới thật là yên giấc. Không còn nghe một tiếng súng. Chỉ nghe tiếng loa phát thanh của nhà nước cách mạng. Cũng uềnh oang như ngày xưa khi trong làng có gánh cải lương... Không thấy thằng Nhành về. Cũng không thấy Sáu Qui. Chỉ thấy người lạ ở đâu tới tiếp thu làng xã. Hỏi ra là dân Bù Lu hoặc Trảng Nhỏ xa xa... Không khí trong làng thật là rộn rịp. Không phải do dân trong làng tạo ra sự rộn rịp đó như trước đây vào dịp Tết hay dịp cúng đình cầu an. Sự rộn rịp đó do số người mới đến cầm quyền chạy tới chạy lui gấn loa trương cờ, căng biểu ngữ, vẽ khẩu hiệu. Ngoài một số thanh niên "nhào" theo để dựa hơi (thiên hạ gọi là "mấy thằng ba mươi") hầu hết dân trong làng chẳng thấy ai nhúc-nhích. Họ giống như khán giả được cho coi hát khỏi trả tiền. Thành ra họ yên tâm nhìn cuộc điện thay đổi một cách bàng quan. Và nghĩ một cách đơn giản: "*Hết bị pháo kích, con cái khỏi phải đi lính... vậy là phước lắm rồi!*". Chẳng dè làm "khán giả" chỉ được có năm bảy hôm gì đó, rồi là họ bị gọi đi đăng ký, đi báo công báo tội, đi học tập nghị quyết... Riết rồi họ trở thành "đào kép trên sân khấu cách mạng" lúc nào không hay! Một loại đào kép không thuộc tuồng tích, nhưng lúc nào cũng được mấy ông bầu cách mạng bắt thủ vai chánh trong mọi vở bi hài kịch của họ: vai "nhân dân làm chủ"!

Đình bị lấy làm hội trường. Nửa phía sau đổ nát vẫn để nguyên như vậy. Bàn thờ Thần, cây lọng cây phước... được dọn hết vào nhà sau. Làm như là đồ riêng của Năm Tù! Hai "ông hồ" bằng gỗ ngồi hầu trước bàn thờ Thần, bị liệng ra sau hè, nằm chổng gọng. Công tác dọn dẹp đình được mấy "ông cách mạng" tự tay làm lấy

trong lúc Năm Từ bện giăng câu bên kia sông. Bữa đó, đi câu về đến dưới dốc, Năm Từ chợt nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng phe-phẩy trên đầu cột trước đình. Cột cờ này xưa nay chỉ dùng để kéo lá phướn của Thần khi cúng lễ. Thời quốc gia, ngay cả thời Tây, chưa ai dám phạm thượng treo ở đó lá cờ nào khác. Năm Từ nổi nóng, bươn bả chạy lên đình. Ở đó, bây giờ giống như mấy nhà xưa có đám cưới. Chỉ khác là nhà có đám cưới người ta kết bông bằng vải tây điều treo có tua có tụi, còn đây thì căng vải đỏ sơn chữ vàng tứ phía. Bên trong, trống bồng. Trên vách ngăn ở giữa đình có lá cờ đỏ sao vàng với ba khuôn hình treo ngang nhau. Năm Từ nhìn ra Hồ Chí Minh còn hai hình kia là một thằng... tây râu xồm tóc dài và một thằng... tây râu ngắn đầu sói. Thiên hạ đang lúi húi quét dọn. Năm Từ la lớn:

- Tụi bây làm gì vậy? Ai cho phép tụi bây vô đây? Bộ muốn phá đình hả?

Cả bọn ngừng tay, ngạc nhiên. Một thằng hỏi:

- Chú không hay gì à? Ủy ban nhân dân biểu lấy đình làm hội trường.

Năm Từ trừng mắt:

- Làm cái giống gì?

Tên đó giải nghĩa:

- Làm hội trường. Nghĩa là làm chỗ để nhân dân hội họp học tập!

Trong một thoáng, Năm Từ bỗng nhớ lại câu nói của Sáu Qui, nhớ rõ như đã học thuộc lòng. Năm Từ nói ra câu đó như trả bài:

- Đình chùa là tượng trưng cho sự tự do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được Nhà Nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó là chuyện làm mất an ninh! Tụi bây hiểu chưa?

Cả bọn bỗng phá lên cười như đang coi một màn hài hước! Năm Từ "phẫn nộ xung thiên" chụp một cây chổi đập tụi bụi lên tụi "cách mạng" vừa đập vừa la:

- Tụi bây giỡn mặt với tao hả? Tây, tao còn không sợ! Mỹ, tao còn không sợ! Huống chi cái giống tụi bây. Đi! Đi ra khỏi chỗ này!

Rồi Năm Từ cầm chổi chỉ ra cột cờ:

- Ra mà lôi lá cờ đó xuống. Ở đây không ai được phạm thượng hết!

Lúc đó, coi Năm Từ thật "oai phong lẫm lẫm". Mấy thằng "cách mạng" kéo nhau chạy biến về hướng ngã ba lộ cái, làm lũ chó xóm Đình chạy theo sủa rân!

Thấy không còn ai để hạ lá cờ, Năm Từ đành đi ra cột cờ để tự tay tháo gỡ, nách vẫn cặp cây chổi vì thói quen quét dọn trong đình. Năm Từ phải mất một thời gian ngắn để kéo lá cờ xuống, vì sợi dây treo cờ bị kẹt trong rỗ-rẻ trên đầu cột. Trong khi Năm Từ đang gom tóm lá cờ thì có hai xe cam-nhông chạy ừ tới gò Đình, ngừng ở bìa rừng, đổ xuống hai toán bộ đội súng khua lách-cách. Họ lom khom chạy thật nhanh, dàn trận bao vây đình giống như sắp tấn công một đồn bót của Mỹ Ngụy! Trên nền xi măng cao của kỳ-đài, Năm Từ chống cây chổi, nhìn cảnh tượng đó mà tự hỏi: "*Tụi nó làm cái giống gì vậy, không biết?*"

Yên lặng một lúc. Có vài tiếng chó sủa vẫn xa xa. Chim vẫn kêu trong lá. Mấy con rắn mỗi rượt nhau trong lớp lá dầu khô, nghe sột soạt. Làm như chẳng có chuyện gì xảy ra trong đình! Bỗng, hai thằng bộ đội đứng lên chạy thẳng vào sân từ hai ngã đối diện, chĩa súng vào Năm Từ, quát lớn:

- Bỏ khí giới xuống! Đầu hàng ngay! Chống phá cách mạng phải không!

Bấy giờ, Năm Từ mới hiểu: té ra tụi nó bao vây mình! Nhìn xuống cây chổi đang cầm trong tay, Năm Từ bật ngửa cười khan. Thì ra tụi nó sợ...cây chổi!

Thừa lúc Năm Từ cười, một tên bộ đội phóng lên trời bán súng đập vào lưng làm Năm Từ văng ra khỏi kỳ đài té xấp xuống đất bất tỉnh. Hai đứa vội vàng đề lên người rồi trói quặt hai cánh tay về phía sau giống như người ta treo cánh con gà sau khi đã cắt cổ. Chừng đó, hai toán bộ đội mới kéo vào tập trung quanh kỳ đài để nhìn cho rõ "tên phản-động". Người trong xóm thấy chộn rộn cũng chạy ra, đứng xa xa nhìn. Khi thấy Năm Từ bị lôi ra thả lên xe, người ta mới biết là Năm Từ bị bắt.

Trong thời gian Năm Từ bị giam trên tỉnh, Tầng Gòn đóng cửa tiệm cà-phê hết mấy bữa để lên nuôi bạn và nghe ngóng coi có lo được gì không. Nhờ đó mà dân trong làng mới biết là Năm Từ bị hai tội: chống phá cách mạng và ngoan cố không chịu khai tên họ thật mà cứ dùng...bí danh "Năm Từ"! Nghe như vậy, ai cũng bất nhần bởi vì ai cũng biết là Năm Từ đã làm rớt dưới sông thẻ căn cước từ thời ông Diệm, rồi từ đó trong mình không có một tờ giấy lộn. Ngoài ra, từ mấy chục năm nay, từ hồi nhỏ, hội còn là thằng Năm, đến thời lớn lên làm thợ câu, rồi về già vô đình làm ông từ...chưa nghe ai gọi Năm Từ bằng tên trong khai sanh, thì lấy gì để Năm Từ nhớ? Còn chuyện chống phá cách mạng thì thật là bá vợ bởi vì "*cha con thằng chã làm giao liên cả*

mấy chục năm, rồi còn đưa thằng con đi tập kết nữa lận!". Bàn qua tán lại để rồi người nào cũng chắc lưỡi lắc đầu, chớ chẳng biết làm sao hết.

Một hôm, Sáu Qui đi với hai tên hộ vệ cầm súng bá đờ, vào thăm Năm Tù trong trại giam. Sáu Qui nói:

- Tôi có ghé đình thăm chú, mới hay vụ này. Mấy đồng chí đó bậy quá! Chú cũng đừng buồn. Rồi ta sửa sai thôi!

Năm Tù ngồi nghe, chẳng nói chẳng rằng. Nhớ lại ngày nào mình đùm bọc Sáu Qui và câu mà mình thường nói cho nó nghe "hễ mình nghĩ phải làm phải thì lúc nào Ờn trên cũng phò hộ"...bây giờ sao thấy nó trật lất! Cũng như chuyện chiếm đình treo cờ... rồi cũng chẳng thấy thằng nào bị Thần vạ hòng hết. Riết rồi chẳng biết đâu mà rờ... Sáu Qui lấy trong cặp ra một khuôn kiếng trao cho Năm Tù :

- Đàng và Nhà Nước cấp cho chú bằng khen đã giúp cách mạng. Biết chú không có phương tiện nên tôi lộng kiếng bằng khen luôn cho chú để chỉ cần treo lên thôi.

Năm Tù cầm lấy khuôn kiếng, nhìn bằng khen có đóng mộc đỏ như nhìn tờ giấy trắng bởi vì không biết chữ. Rồi cũng không nói gì. Sáu Qui lại tiếp:

- Phần tôi, tôi xin tặng chú chân dung bác Hồ dẹt trên lụa.

Sáu Qui cầm cuộn lụa xỏ ra trước mặt Năm Tù, khoe:

- Dẹt ở bên Trung Quốc lận. Mới nhìn tưởng hình chụp, phải không?

Năm Tù cầm lấy chân dung cuộn lại, hỏi:

- Còn...thằng Nhành?

Sáu Qui đốt điếu thuốc, hít mấy hơi rồi mới nói :

- Thằng Nhành chết lâu rồi !

Năm Tù nhìn Sáu Qui, tưởng mình nghe lộn :

- Chết ?

Sáu Qui lại hít mấy hơi thuốc :

- Chết hồi mới ra Bắc.

Vai Năm Tù bỗng xuôi xuống. Lưng Năm Tù bỗng cong lại. Cổ Năm Tù bỗng không còn giữ nổi cái đầu. Một lúc lâu, sực nhớ ra, Năm Tù hỏi :

- Còn cái thơ nó viết cho tôi hồi đó ?

Sáu Qui nuốt nước miếng mấy lần mới trả lời :

- Thơ đó do tôi viết.

Thấy Năm Tù không tỏ phản ứng gì hết, Sáu Qui tăng háng như để lấy can đảm:

- Chú đừng giận. Hồi đó phải làm như vậy để có ngày hôm nay: cách mạng thành công! Trong cuộc đấu tranh giải phóng, chú đã đi hàng đầu và đã có công lớn đối với cách mạng. Nhân dân biết ơn chú nhiều lắm!

Năm Tù vẫn im lặng. Nói gì nữa giờ, khi mà tất cả đều sụp đổ, tất cả đều đảo lộn, tất cả đều gian xảo? Mà mình thì đúng là một thằng ngốc! Bỗng Năm Tù bật cười một mình, rồi "Ờ..." một tiếng cho lấy có, nghe như tiếng "ợ" của người ăn không tiêu...

Vậy là nhờ sự can thiệp của Sáu Qui, Năm Tù được thả về, ôm theo cái bằng khen và chân dung Hồ Chủ Tịch. Bây giờ, đình đã thật sự trở thành hội trường và căn nhà phía sau là phòng lương thực. Tất cả đồ đạc đều được dọn hết về nhà riêng của Năm Tù ở cạnh bờ sông, trong thời gian Năm Tù nằm ở trại giam trên tỉnh. Từ ngày trở về làng, Năm Tù cứ làm-làm li-lì, không giao thiệp nói chuyện với ai hết. Kể cả với Từng Gòn! Nhưng, sau khi nhậu ba sơi rồi là lè nhè nói hoài không ngừng và lâu lâu cười lên hô hô. Dân trong làng mới đầu còn ngạc nhiên thương hại, nhưng riết rồi họ cũng quen. Cho nên chẳng ai để ý thấy một con chó hoang đi theo Năm Tù mỗi ngày. Và khi Năm Tù đứng xiêu xiêu, chỉ đồng chí tây nói láp đáp, nó vênh tai nhìn Năm Tù, đầu nghiêng nghiêng đuôi ngoắt ngoắt, ra điều "ta đây hiểu hết"! Năm Tù cũng không nhớ con chó đã theo về "ờ" với mình từ hồi nào. Chỉ biết có cho nó ăn uống đều đặn, đi đâu thì nó đi theo như đi "hộ tống", đi câu bên sông thì nó giữ nhà, tối ngủ trên ghế bố thì nó nằm khoanh phía bên dưới. Năm Tù thường nói chuyện với nó như nói chuyện với một con người.

Một hôm, nhậu ba ngụ rồi, Năm Tù mang chân dung Hồ Chí Minh tòn teng trước ngực, vừa đi vừa hô "Hồ Chủ Tịch muôn năm!" giống như đi mít tinh. Ngả ngả nghiêng nghiêng đi dài theo lộ cái. Chẳng thấy ai đi theo, kể cả trẻ con vì tụi nó bây giờ bận công tác "khăn quàng đỏ". Chỉ có con chó là lẻo đẹo đi sau, cách vài ba bước giống như cái bóng. Một lúc, Năm Tù dừng lại nhìn nó, đưa ngón tay trở lên điểm điểm:

- Mày... mày... ăn ở còn có nghĩa có tình chớ không phải như tụi nó... Mày còn hơn tụi nó nhiều lắm! Nghe không mày, cậu?

Rồi cười lên hô hô khoái trá. Xong chỉ vào chân dung Hồ Chí Minh phân trần: "*Mày thấy không? Hồi tao còn trẻ, tao gọi ông là cụ Hồ. Bây giờ tao già rồi mà thằng chả lại trẻ ra bởi vì tao chỉ còn gọi bằng bác Hồ thôi!* Ngược đời vậy đó, mậy cậu!" *Nói xong, Năm Tù ưỡn ngực hô to: "Hồ Chủ Tịch muôn năm".* Con chó bỗng sủa lên quấu quấu. Năm Tù ngạc nhiên, trợn mắt nhìn nó, lại đưa ngón tay trở lên điểm điểm :

- À ! A ! Biết sủa như vậy là mầy giống tụi nó y chang rồi còn gì?

Rồi vừa xiêu xiêu bước đi, Năm Tù vừa nói lầm bầm: "*Đời bây giờ ... thiệt ... không biết đâu mà rờ ... Tới con chó cũng không giống ai hết !*"

Cuộc "mít-tinh cách mạng" một người một chó đó kết thúc ở gò Đồng Mã. Năm Tù mệt lả, ngã đại xuống một khoảnh đất còn trống giữa mấy mã voi mã đá. Con chó ngoắt đuôi, ngập ngừng một lúc, xem "động tịnh" rồi mới bước nhẹ tới nằm kế bên!

-oOo-

Cũng trong đêm đó, chừng quá nửa đêm, đình và rừng dầu bỗng phát cháy. Đám cháy lớn đến nỗi dân chúng chỉ dám đứng xa mà nhìn. Thiên hạ kéo ra coi đông nghẹt ở ngã ba lộ cái. Từ đó nhìn xuống đám cháy, thấy giống như người ta đốt đồ thợ mã để cúng cô-hồn...

Trong gian nhà tranh nằm cạnh bờ sông, Năm Tù ngồi trên ghế bố hút thuốc trong bóng tối mà vẫn thấy rõ đám cháy như đang nhìn ngay trước mặt .

Tiểu Tử